

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/DS-ST**

Ngày: 19-6-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Tiến.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Thanh Vân.**

2. Ông **Lê Minh Phước.**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Trần Phương Thảo** – Thư ký Tòa án.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị Hồng T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Đức L**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị T có mặt, anh L vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày:*

Ngày 16/7/2015 anh L có đến nhà chị mượn số tiền 230.000.000 đồng và một cây vàng SJC, anh L có viết giấy nợ và hứa sẽ trả lại cho chị sau 7 ngày khi chị có yêu cầu. Khoảng hơn 2 năm nay chị đã nhiều lần gặp ông L để đòi tiền, vàng nhưng anh L không trả. Ngày 28/12/2019 ba mẹ anh L có trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng thay cho anh L. Nay chị yêu cầu anh L trả số tiền vay

210.000.000 đồng và 1 cây vàng SJC (thành tiền là 43.000.000 đồng) Tổng cộng là 253.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi. Trước đây khi làm đơn chị có yêu cầu chị H là anh L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với chị L, nay chị biết anh L và chị H đã ly hôn nên chị không yêu cầu chị H cùng trả nợ.

Chúng cứ cho yêu cầu khởi kiện: Giấy nợ do anh L ký nhận ngày 16/7/2015.

*\* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 27/02/2020, bị đơn anh Nguyễn Đức L trình bày:*

Anh thừa nhận có làm giấy nợ cho cô T ngày 16/7/2015 với số tiền 230.000.000 đồng và một cây vàng SJC nhưng nợ này anh đã thanh toán xong bằng việc anh xây cho T một căn nhà và trả nợ vào tài khoản. Sau đó anh có nhờ T vay dùm 100.000.000 đồng và một cây vàng SJC. Do làm ăn thất bại nên chưa thanh toán lại cho T.

Anh và cô H đã ly hôn tháng 01/2020 và trước đó có thời gian ly thân rất lâu nên không có liên quan với nhau về tài sản cũng như nợ nần, anh xác định đây là nợ riêng.

Giấy nợ ngày 16/7/2015 anh trả nợ xong nhưng chưa lấy lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Đức L là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[3] Bị đơn anh L cư trú tại xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Chị T kiện yêu cầu anh L và chị H trả số tiền vốn là 253.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1% từ ngày 16/7/2015 đến 17/01/2020 là 54 tháng số tiền là 113.400.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa chị T yêu cầu anh L trả số tiền vốn là 210.000.000 đồng và 01 cây vàng quy thành tiền là 43.000.000 đồng, tổng cộng là 253.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chị H liên đới trả nợ. Chị

Tcung cấp chứng cứ chứng minh là giấy nợ do anh L ký nhận ngày 16/7/2015. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 27/02/2020 anh L thừa nhận có vay của chị T tiền, vàng nêu trên và có ký tên nhận nợ, tuy nhiên đã trả xong nhưng không lấy lại giấy nợ. Anh L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ chứng cứ chị T cung cấp Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ buộc anh L trả cho chị T số tiền 210.000.000 đồng và 10 chỉ vàng SJC, chị T quy đổi 10 chỉ vàng SJC tại thời điểm khởi kiện là 43.000.000 đồng và đến thời điểm hiện nay chị không thay đổi xét thấy phù hợp, tổng số tiền chị T yêu cầu anh L phải trả là 253.000.000 đồng. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu chị H liên đới trả nợ và không yêu cầu tính lãi.

[6]Về án phí: Do chị T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên anh L phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Đức L.

2. Buộc anh Nguyễn Đức L có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Hồng T số tiền là 253.000.000đ (hai trăm năm mươi ba triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: anh L phải nộp là 12.650.000đ (mười hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn tạm ứng án phí cho chị Trần Thị Hồng T số tiền 9.160.000đ (chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009742 ngày 13/02/2020 tại Chi Cục Thi hành án huyện Châu Thành.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Tcó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã Ký)**

**Trương Thị Tiến**